

MARKET LENS

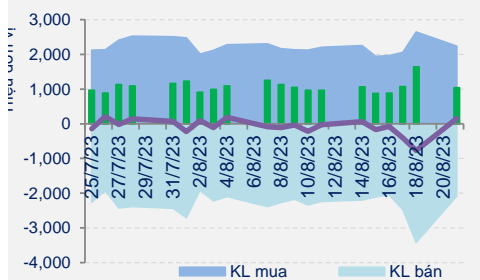
Phiên giao dịch ngày: 21/8/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

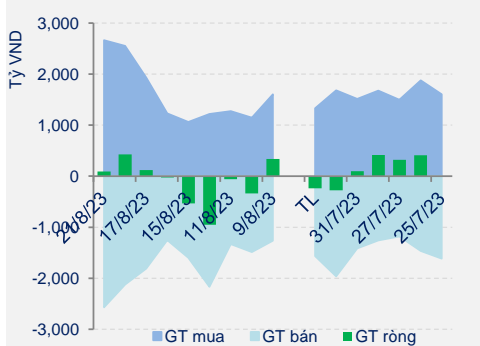
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,179.76	237.97
% Thay đổi	↑ 0.15%	↑ 0.85%
KLGD (CP)	1,039,145,615	123,867,999
GTGD (tỷ đồng)	22,121.11	2,118.68
Tổng cung (CP)	2,080,586,111	157,276,300
Tổng cầu (CP)	2,235,087,580	178,815,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	77,604,666	1,061,322
KL mua (CP)	84,431,789	1,965,555
GT mua (tỷ đồng)	2,664.63	41.63
GT bán (tỷ đồng)	2,570.76	19.37
GT ròng (tỷ đồng)	93.87	22.26

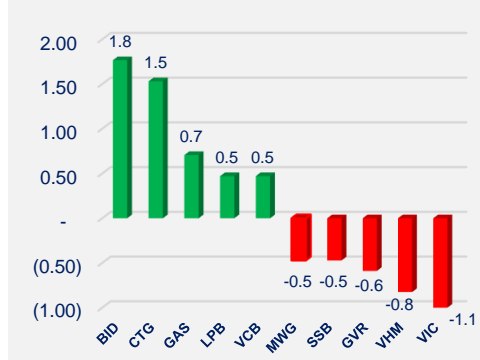
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm mạnh cuối tuần trước, thị trường đã phục hồi trở lại. Đầu phiên giao dịch VN-INDEX vẫn chịu áp lực điều chỉnh về quanh vùng giá 1.165 điểm sau đó phục hồi trở lại vùng giá 1.190 điểm. Kết phiên VN-INDEX ở mức 1.179,76 điểm, tăng nhẹ 1,77 điểm (+0,15%) so với phiên trước. HNX-INDEX phục hồi tốt hơn tăng 2,05 điểm (+0,85%) lên 237,97 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết vẫn nghiêng về tiêu cực khi mức độ phục hồi kém và áp lực bán vẫn gia tăng ở nhiều mã có tính chất đầu cơ, nhóm bất động sản với tổng cộng có 376 mã giảm giá (18 mã giảm sàn), 297 mã tăng giá (11 mã tăng trần), và 101 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết trong phiên đạt 24.230,95 tỉ đồng được giao dịch, giảm khá mạnh, nhưng vẫn duy trì trên mức trung bình. Mức độ phục hồi kém ở nhiều mã với thanh khoản suy giảm. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và mua ròng trên HOSE với giá trị 93,87 tỉ đồng, quay trở lại mua ròng trên HNX với giá trị 22,26 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin ngày 21/08/2023 Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã cắt giảm lãi suất cơ bản cho khoản vay kỳ hạn 1 năm 10 điểm cơ bản - mức cố định đối với hầu hết các khoản vay hộ gia đình và doanh nghiệp ở Trung Quốc - từ 3,55% xuống 3,45%, thấp hơn mức 15 điểm cơ bản mà phần lớn các nhà kinh tế dự kiến. Đây là lần thứ hai Trung Quốc cắt giảm lãi suất này trong ba tháng; Bộ Tài chính cho biết, doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp phải có trách nhiệm đến cùng với các khoản nợ và không chuyển trách nhiệm, rủi ro của doanh nghiệp thành trách nhiệm, rủi ro của Nhà nước.

Các cổ phiếu ngân hàng là nhóm phục hồi tốt nhất sau phiên giảm điểm mạnh cuối tuần trước nổi bật như LPB (+6,30%) thanh khoản gia tăng đột biến, đa số còn lại phục hồi với thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước như CTG (+4,23%), BID (+3,17%), TPB (+2,21%)... ngoài các mã chịu áp lực bán với SSB (-3,10%), NVB (-1,38%), VAB (-1,27%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí đa số cũng phục hồi trở lại nhưng với thanh khoản dưới mức trung bình như PVG (+3,16%), PVS (+2,50%), VIP (+2,25%), BSR (+2,13%), PVT (+1,86%)... Trong khi đó nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa hơn nhiều mã tiếp tục chịu áp lực bán với thanh khoản trên mức trung bình như VIX (-3,24%), VFS (-2,24%), AGR (-1,96%), BSI (-1,80%)... bên cạnh các mã phục hồi với APS (+9,52%), SHS (+3,31%), BVS (+2,86%), VND (+2,25%)...

Các cổ phiếu bất động sản ngoài CEO (+6,67%), HGD (+1,76%), L14 (+0,56%), NLG (+0,56%)... phục hồi thì đa số tiếp tục chịu áp lực bán mạnh như ITC (-6,91%), TDH (-6,88%), LDG (-6,82%), NHA (-6,04%), HDC (-4,85%), SCR (-4,69%)... Các nhóm ngành khác cũng phân hóa, mức độ phục hồi tốt thường chỉ tập trung vào các cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu có yếu tố bản tốt, đa phần còn lại vẫn chịu áp lực điều chỉnh sau khi VN-INDEX có phiên giảm điểm mạnh với khối lượng giao dịch lập kỷ lục mới

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 tăng 2,9 điểm(+0,24%), chênh lệch dương 0,58 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh hơn 150% so với mức trung bình với khối lượng mở OI ở mức thấp, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên mạnh. Trong khi đó kỳ hạn VN30F2310 lại bất ngờ chênh lệch dương 9,68 điểm, kỳ hạn VN30F2312 lại chênh lệch âm -13,82 điểm so với VN30. Cho thấy các trader nghiêng về khả năng hồi phục của VN30 trong ngắn hạn, nhưng giao dịch khá bất thường giữa 02 kỳ hạn VN30F2310 và VN30F2312.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường điều chỉnh rất mạnh phiên cuối tuần trước với khối lượng giao dịch kỷ lục đã phá vỡ nền tảng tích lũy hình thành trong hơn 2 tuần, do vậy sẽ cần thêm thời gian để thị trường tích lũy lại và tạo nền tảng mới. Trong ngắn hạn, hỗ trợ gần nhất của VN-Index là vùng 1.170 điểm, xa hơn là vùng 1.150 điểm, kháng cự gần của chỉ số là vùng 1.200 điểm. Xu hướng tăng điểm dài hạn chưa bị phá vỡ và chúng tôi vẫn kỳ vọng thị trường sau đợt điều chỉnh sẽ quay trở lại xu thế tăng để hướng tới các mốc cao hơn trong thời gian tới.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên điều chỉnh rất mạnh cuối tuần qua, phiên đầu tuần hôm nay đà rơi của VnIndex đã chậm lại khi VnIndex chốt phiên tăng nhẹ 1,77 điểm (+0,15%) và đóng cửa ở 1.179,76 điểm. Như chúng tôi đã đề cập trong các bản tin gần đây trong ngắn hạn thị trường cần có nhịp điều chỉnh và sau phiên giảm điểm mạnh cuối tuần trước có thể đà rơi của VnIndex chưa kết thúc. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ có những nỗ lực phục hồi đan xen với các phiên rung lắc tiếp theo để có thể dần hình thành đáy ngắn hạn của đợt điều chỉnh này trước khi hình thành các tín hiệu tích cực hơn.

Xu hướng tăng trung hạn của thị trường vẫn được duy trì nhưng thị trường sẽ cần thêm thời gian để tích lũy lại trước khi hình thành nhịp tăng mới. Vùng hỗ trợ trung hạn của chỉ số là 1.125 điểm – 1.150 điểm, mục tiêu của VnIndex vẫn là 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Thị trường trong ngắn hạn đang trong vùng điều chỉnh và khó lường, các nhà đầu tư ngắn hạn nên tận dụng các nhịp hồi phục để giảm tỷ trọng và chờ thêm diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ trước khi quyết định giải ngân mới. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
POW	13.00	13.1-13.6	16.5-17	12	21.6	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
CTG	32.00	30-30.8	35-37	28	8.7	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân
IDC	43.60	47.5-48.5	55-57	45	11.0	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tu (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	61.8	54.8	65-67	62	12.8%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	30.0	28.05	34-35	31	7.0%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	28.5	29.1	32-33	28	-2.2%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	72.9	72.95	87-89	72	-0.1%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.0	30.6	35-37	31	4.6%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Liên tiếp tăng giá, xăng RON95-III vượt ngưỡng 24.000 đồng/lít

Chiều 21/8, liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố điều chỉnh giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu. Xăng E5RON92 tăng 517 đồng/lít, xăng RON95-III tăng 608 đồng/lít. Các loại dầu có mức tăng từ 313 đồng - 420 đồng/lít, riêng dầu diesel 0.05S giảm 71 đồng/lít so với mức bán lẻ hiện hành. Trong kỳ điều chỉnh này, liên Bộ quyết định không trích lập Quỹ Bình ổn giá (BOG) đối với tất cả các mặt hàng xăng dầu. Đồng thời không chi Quỹ BOG đối với các mặt hàng xăng, dầu diesel, dầu hỏa, dùng chi Quỹ BOG đối với mặt hàng dầu mazut (kỳ trước chi 150 đồng/kg).

Ngân hàng dự kiến thắt chặt tiêu chuẩn tín dụng 4 lĩnh vực rủi ro

Tiêu chuẩn tín dụng đối với các lĩnh vực có rủi ro cao như (1) “đầu tư kinh doanh chứng khoán”, (2) “đầu tư kinh doanh bất động sản”, (3) “kinh doanh tài chính, ngân hàng và bảo hiểm” và (4) “xây dựng” tiếp tục được các tổ chức tín dụng dự kiến “thắt chặt” nhẹ. Trong 6 tháng đầu năm 2023 và dự báo cả năm 2023, mặt bằng rủi ro tín dụng tổng thể của khách hàng được các tổ chức tín dụng nhận định tăng nhanh hơn so với kỳ trước và cùng kỳ năm trước ở hầu hết các lĩnh vực.

Trung Quốc cắt giảm lãi suất thấp hơn so với kỳ vọng

Hôm thứ Hai (21/8), Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã cắt giảm lãi suất cho vay cơ bản 1 năm trong khi giữ nguyên lãi suất 5 năm. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã cắt giảm lãi suất cơ bản cho khoản vay kỳ hạn 1 năm 10 điểm cơ bản - mức cố định đối với hầu hết các khoản vay hộ gia đình và doanh nghiệp ở Trung Quốc - từ 3,55% xuống 3,45%, thấp hơn mức 15 điểm cơ bản mà phần lớn các nhà kinh tế dự kiến trong một cuộc khảo sát của Reuters. Đây là lần thứ hai Trung Quốc cắt giảm lãi suất này trong ba tháng.

EVN muốn 3 tháng điều chỉnh giá điện một lần

Đây là nội dung trong văn bản góp ý về dự thảo quyết định thay thế Quyết định 24 về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) gửi Bộ Công Thương, giá bán lẻ điện sẽ giảm nếu chi phí đầu vào giảm 1%. EVN cũng sẽ được phép điều chỉnh giá điện 3 tháng/lần nếu chi phí đầu vào tăng 3% trở lên.



TIN DOANH NGHIỆP

PV GAS (GAS) sắp phát hành 382,79 triệu cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ lên 22.967,4 tỷ đồng

Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS, mã GAS - sàn HOSE) thông báo Nghị quyết HĐQT về việc thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, GAS dự kiến phát hành tối đa hơn 382,79 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 20% (tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền, 10 quyền được nhận 02 cổ phiếu mới).

Damsan (ADS) đưa vào vận hành nhà máy sản xuất tấm pin Năng lượng mặt trời AD Green với công suất lên đến 3 GW

Sau hơn 1 năm phát triển và xây dựng, CTCP Damsan (mã ADS – sàn HOSE) đã đưa vào vận hành nhà máy sản xuất tấm pin AD Green lớn nhất tỉnh Thái Bình. AD Green được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư vào tháng 10/2021, khởi công tháng 07/2022, đưa vào vận hành giai đoạn đầu trong tháng 7/2023. Nhà máy có diện tích 7,9 ha tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp (CCN) An Ninh trên quốc lộ 39B, cách Thành phố Thái Bình 16 km và cảng Hải Phòng 50 km.

Cao su Phước Hoà (PHR) chi 264 tỷ đồng trả cổ tức đợt 2/2022, tỷ lệ 19,5%

CTCP Cao su Phước Hoà (mã chứng khoán PHR - sàn HOSE) thông báo, ngày 11/9 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức đợt 2/2022. Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 19,5% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.950 đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 25/12/2023. Như vậy, với gần 135,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Cao su Phước Hoà sẽ chi khoảng 264 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Trước đó, Công ty đã trả cổ tức đợt 1/2022 cho cổ đông tỷ lệ 40%.

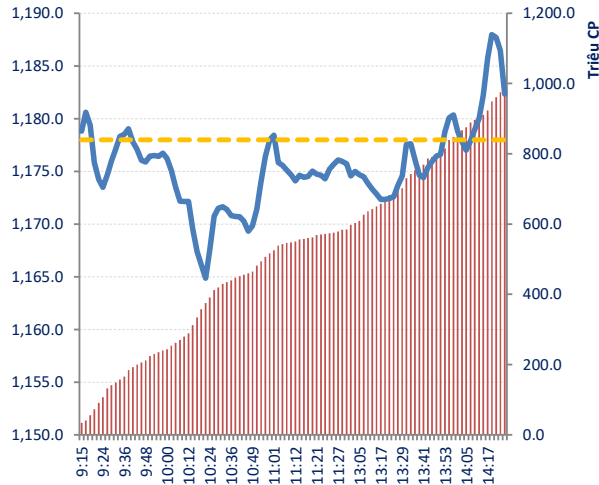
TNR Holdings lãi sau thuế nửa đầu năm 2023 gấp ba cùng kỳ

Trong văn bản gửi đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam ghi nhận lãi sau thuế gần 85 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023, gấp hơn ba lần so với cùng kỳ. Nhờ lợi nhuận tăng, tỷ lệ ROE (lãi sau thuế/vốn chủ sở hữu) của TNR Holdings Việt Nam đạt 3.86%, trong khi cùng kỳ chỉ 1.29%. Bên cạnh đó, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu giảm từ 10.55 lần vào cuối tháng 6/2022 xuống còn 8.66 lần vào cuối tháng 6 năm nay. Đồng thời, tỷ lệ dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu giảm từ 5.56 lần xuống còn 4.28 lần.

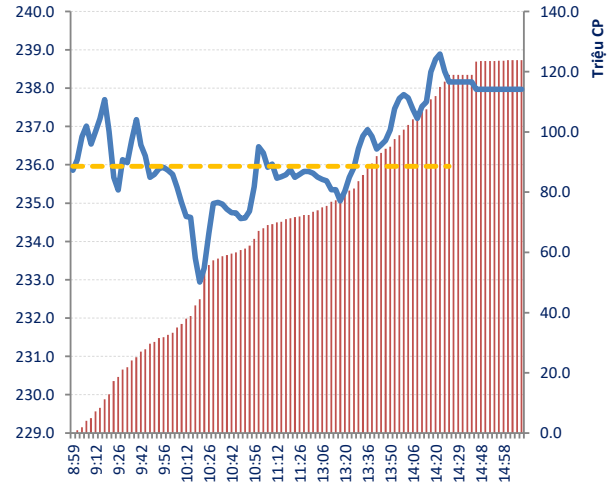


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

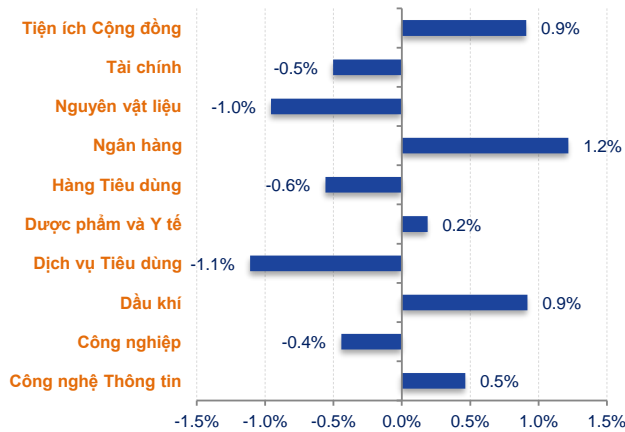
KLGD và VN-Index trong phiên



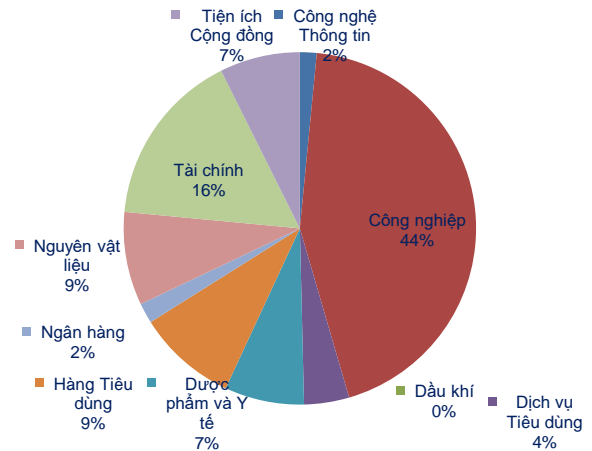
KLGD và HNX-Index trong phiên



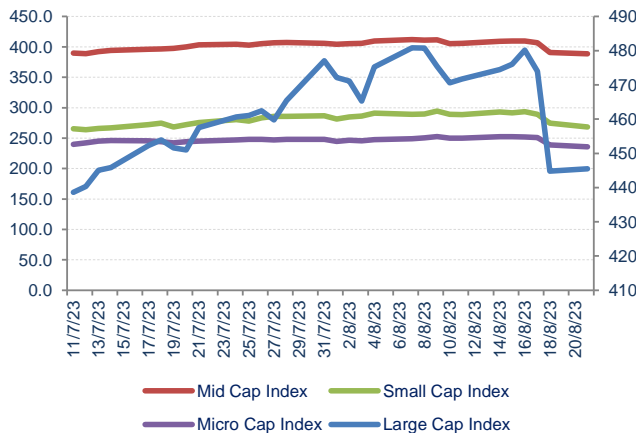
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



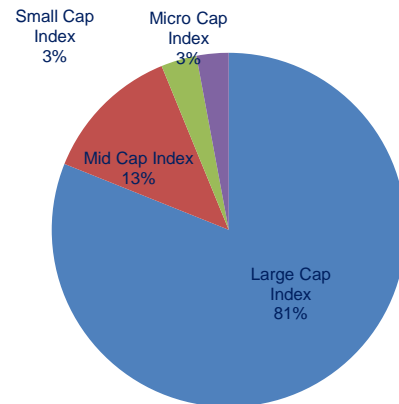
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	4,485,600	SSI	10,168,988	1	TIG	519,150	SHS	145,050
2	VIC	3,357,352	KDC	5,145,900	2	CEO	508,020	NVB	121,400
3	TPB	2,581,810	STB	2,758,906	3	BVS	231,200	TNG	79,520
4	VRE	1,877,690	FUEFVND	2,679,400	4	IDC	101,260	DTD	54,870
5	KBC	1,628,250	PMG	2,317,000	5	PVS	51,400	VIG	48,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	19.25	18.50	↓ -3.90%	46,787,500	SHS	15.10	15.60	↑ 3.31%	25,522,746
VIX	16.95	16.40	↓ -3.24%	40,496,100	CEO	24.00	25.60	↑ 6.67%	17,815,617
SSI	28.30	28.85	↑ 1.94%	38,688,421	HUT	23.90	24.50	↑ 2.51%	7,269,034
STB	31.30	31.80	↑ 1.60%	36,013,984	IDJ	7.20	7.30	↑ 1.39%	5,850,681
VND	20.00	20.45	↑ 2.25%	33,874,100	PVS	32.00	32.80	↑ 2.50%	5,225,133

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HRC	49.55	53.00	3.45	↑ 6.96%	VE4	179.10	197.00	17.90	↑ 9.99%
HAS	8.19	8.76	0.57	↑ 6.96%	PIA	26.20	28.80	2.60	↑ 9.92%
ST8	21.15	22.60	1.45	↑ 6.86%	QST	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
STK	28.85	30.80	1.95	↑ 6.76%	CJC	23.50	25.80	2.30	↑ 9.79%
SC5	20.10	21.45	1.35	↑ 6.72%	VE8	5.20	5.70	0.50	↑ 9.62%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	9.44	8.78	-0.66	↓ -6.99%	CTT	21.00	18.90	-2.10	↓ -10.00%
TNT	5.76	5.36	-0.40	↓ -6.94%	VLA	40.00	36.00	-4.00	↓ -10.00%
HPX	5.91	5.50	-0.41	↓ -6.94%	VTC	12.10	10.90	-1.20	↓ -9.92%
HSL	9.54	8.88	-0.66	↓ -6.92%	L61	5.10	4.60	-0.50	↓ -9.80%
ITC	12.30	11.45	-0.85	↓ -6.91%	PEN	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	46,787,500	-0.2%	(48)	-	0.8
VIX	40,496,100	7.0%	839	20.2	1.3
SSI	38,688,421	7.3%	1,093	25.9	1.9
STB	36,013,984	17.2%	3,601	8.7	1.4
VND	33,874,100	3.9%	467	42.8	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	25,522,746	4.3%	507	29.8	1.2
CEO	17,815,617	7.9%	1,052	22.8	1.9
HUT	7,269,034	1.2%	136	176.2	2.1
IDJ	5,850,681	5.9%	668	10.8	0.6
PVS	5,225,133	7.2%	1,953	16.4	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HRC	↑ 7.0%	1.8%	327	151.6	2.7
HAS	↑ 7.0%	0.9%	158	51.8	0.5
ST8	↑ 6.9%	69.7%	7,932	2.7	2.0
STK	↑ 6.8%	8.6%	1,422	20.3	1.7
SC5	↑ 6.7%	6.9%	1,576	12.8	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	-24.3%	(3,123)	-	15.1
PIA	↑ 9.9%	21.0%	3,391	7.7	1.7
QST	↑ 9.9%	22.1%	2,992	2.7	0.6
CJC	↑ 9.8%	3.7%	398	59.1	2.2
VE8	↑ 9.6%	-50.3%	(3,577)	-	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	4,485,600	15.8%	3,664	8.4	1.2
VIC	3,357,352	4.0%	1,405	47.6	1.9
TPB	2,581,810	18.6%	2,686	6.7	1.3
VRE	1,877,690	10.6%	1,588	18.3	1.9
KBC	1,628,250	16.4%	4,023	7.5	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	519,150	7.5%	1,075	10.2	0.7
CEO	508,020	7.9%	1,052	22.8	1.9
BVS	231,200	8.3%	2,576	9.5	0.8
IDC	101,260	20.7%	3,969	10.9	2.3
PVS	51,400	7.2%	1,953	16.4	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	23.0%	5,797	15.4	3.3
VIC	255,152	4.0%	1,405	47.6	1.9
VHM	247,328	29.1%	10,332	5.5	1.5
BID	223,587	19.0%	4,025	11.0	2.0
GAS	186,802	20.3%	6,680	14.6	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,295	7.2%	1,953	16.4	1.2
IDC	14,256	20.7%	3,969	10.9	2.3
THD	13,937	2.9%	458	79.0	2.3
SHS	12,279	4.3%	507	29.8	1.2
CEO	12,229	7.9%	1,052	22.8	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.25	-0.3%	(51)	-	0.7
EVG	3.26	1.3%	157	41.5	0.5
TGG	3.05	-14.0%	(1,757)	-	0.3
LGL	2.99	6.1%	792	6.8	0.4
PTC	2.79	-4.9%	(730)	-	0.4

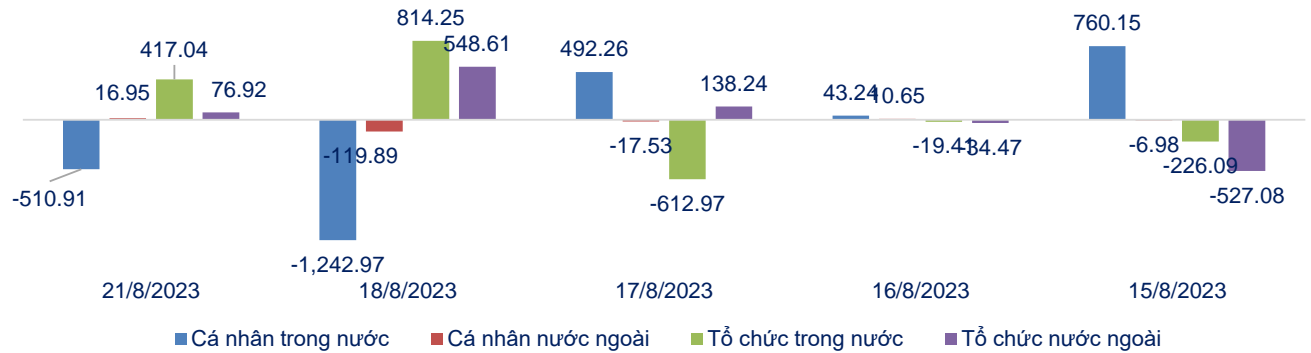
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	4.10	2.4%	265	104.0	2.5
DDG	3.90	-24.7%	(3,032)	-	0.8
IDJ	3.49	5.9%	668	10.8	0.6
SDA	3.45	-0.3%	(23)	-	1.0
HCT	3.30	1.1%	225	32.0	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	317.61	5.3%	1,487	42.2	2.1
SSI	222.16	7.3%	1,093	25.9	1.9
STB	184.27	17.2%	3,601	8.7	1.4
MWG	68.15	6.6%	1,069	47.0	3.1
AAA	40.36	1.3%	206	53.1	0.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-168.19	15.8%	3,664	8.4	1.2
VNM	-155.95	23.9%	3,937	18.6	4.2
EIB	-131.22	12.2%	1,726	13.3	1.6
VIC	-130.16	4.0%	1,405	47.6	1.9
DPM	-64.73	19.1%	6,403	6.1	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	9.38	7.0%	839	20.2	1.3
PDR	4.20	8.2%	1,118	19.1	1.7
POW	4.17	4.2%	603	21.7	0.9
VNM	3.68	23.9%	3,937	18.6	4.2
STB	3.34	17.2%	3,601	8.7	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	-4.81	14.7%	2,082	8.8	1.2
HDB	-4.21	20.3%	2,765	5.9	1.2
NVL	-3.75	-0.2%	(48)	-	0.8
DXG	-2.74	-1.4%	(317)	-	0.8
FPT	-2.29	22.1%	4,596	18.6	3.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	112.44	12.2%	1,726	13.3	1.6
SSI	71.20	7.3%	1,093	25.9	1.9
VNM	67.23	23.9%	3,937	18.6	4.2
FUEVFVND	65.55	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	50.70	19.1%	6,403	6.1	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-96.63	17.2%	3,601	8.7	1.4
VIC	-90.44	4.0%	1,405	47.6	1.9
AAA	-39.72	1.3%	206	53.1	0.7
TCB	-29.96	15.3%	5,061	6.4	0.9
FPT	-29.15	22.1%	4,596	18.6	3.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

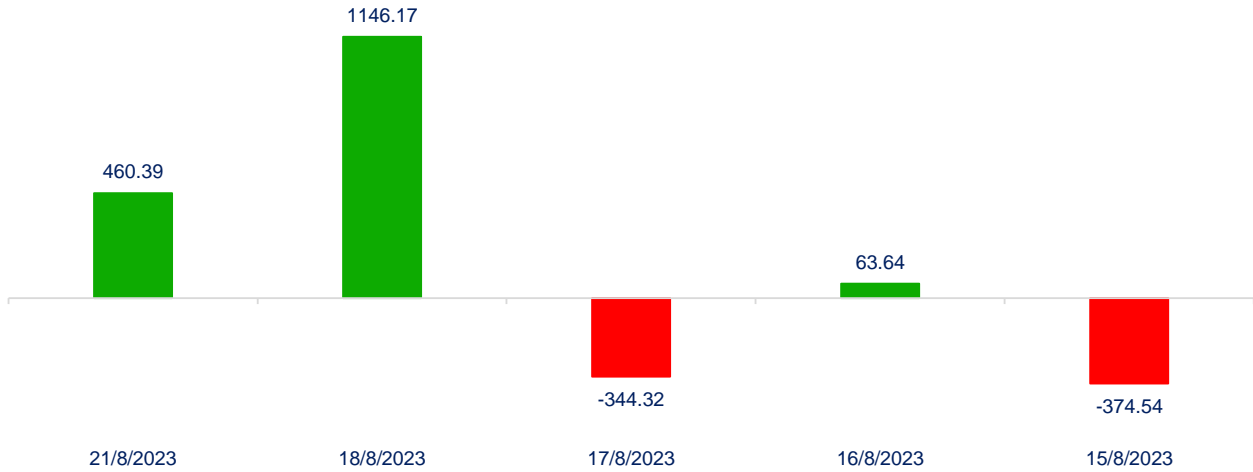
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	218.11	4.0%	1,405	47.6	1.9
CTG	141.84	15.8%	3,664	8.4	1.2
VNM	85.04	23.9%	3,937	18.6	4.2
VRE	54.94	10.6%	1,588	18.3	1.9
KBC	48.85	16.4%	4,023	7.5	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

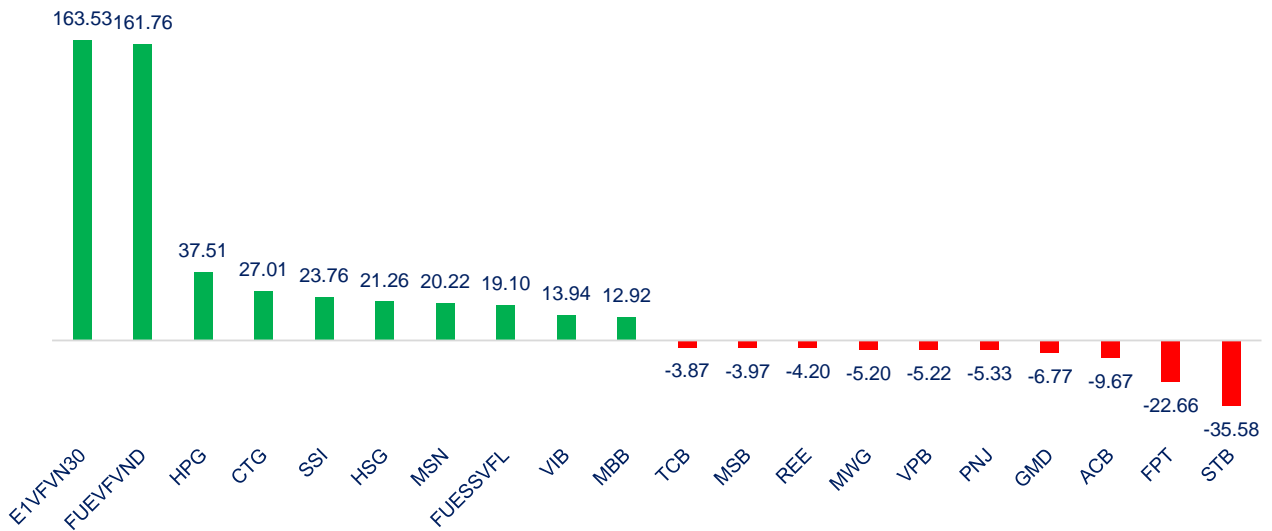
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	-317.43	5.3%	1,487	42.2	2.1
SSI	-293.51	7.3%	1,093	25.9	1.9
STB	-90.98	17.2%	3,601	8.7	1.4
MWG	-87.78	6.6%	1,069	47.0	3.1
FUEVFVND	-67.07	N/A	N/A	N/A	N/A



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn